

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/DS-ST

Ngày: 12-8-2020

“V/v tranh chấp Hợp đồng góp hui”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Việt Hùng**;

2. Ông **Nguyễn Văn Thượng**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phú**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Cường** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2020/TLST-DS, ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2020/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Đoàn Thị Minh H**, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ A, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

-Bị đơn:

1. Bà **Phan Thị Ngọc A**, sinh năm 1968 (vắng mặt);

2. Ông **Châu Văn S**, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ B, khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/02/2020 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Đoàn Thị Minh H trình bày:

Bà là chủ thảo hui, Bà A là hui viên có tham gia góp hui với bà cụ thể như sau:

Hui tháng 1.000.000 đồng khai ngày 20/5/2017 âm lịch gồm Dây A và Dây B, mỗi dây hui đều có 25 phần. Bà A tham gia mỗi dây 01 phần. Dây hui A Bà A đã lãnh hui được 17.000.000 đồng, bà đã giao tiền cho Bà A ngày 25/5/2017 âm lịch. Dây hui B Bà A đã lãnh hui được 16.900.000 đồng, bà đã giao tiền cho Bà A ngày 25/5/2017 âm lịch.

Hụi tháng 1.000.000 đồng khai ngày 30/11/2017 âm lịch gồm Dây 2 và Dây 3, mỗi dây hụi đều có 20 phần. Bà A tham gia mỗi dây 01 phần. Dây hụi 2 Bà A đã lãnh hụi được 13.100.000 đồng, bà đã giao tiền cho Bà A ngày 05/01/2018 âm lịch. Dây hụi 3 Bà A đã lãnh hụi được 15.680.000 đồng, bà đã giao tiền cho Bà A ngày 05/7/2018 âm lịch.

Sau khi lãnh hụi Bà A không góp đủ hụi chết cho bà cho dù các dây hụi trên đều đã mãn. Đến ngày 01/3/2019 âm lịch, bà và Bà A cộng sổ lại thì Bà A còn nợ bà 27.000.000 đồng, có làm giấy. Sau đó, Bà A có trả cho bà được 5.000.000 đồng, còn lại 22.000.000 đồng thì không trả nữa. Bà đi đòi nhiều lần Bà A cũng không trả nên năm 2019 bà có khởi kiện Bà A. Lần này Bà A hứa bán nhà đất trả tiền cho bà nên bà rút đơn kiện. Sau khi bà rút đơn kiện thì Bà A không thực hiện lời hứa nên bà kiện lại. Bà A nói rằng bà tham gia góp hụi về để mua xe mô tô cho gia đình sử dụng nên bà kiện cả ông S.

Nay bà yêu cầu Bà A, ông S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà 22.000.000 đồng tiền gốc, không yêu cầu tính tiền lãi. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phan Thị Ngọc A trình bày:

Bà thừa nhận có nợ bà H số tiền hụi là 22.000.000 đồng như bà H trình bày. Khi bà tham gia góp hụi thì ông S không biết, đến khi bà H đi đòi tiền thì ông S mới biết. Ông S có kêu bà đi gom tiền của những người khác nợ ông bà để trả cho bà H. Mục đích bà tham gia góp hụi với bà H để mua bàn ghế phục vụ kinh doanh quán cà phê của gia đình.

Nay bà đồng ý trả lại cho Bà A số tiền là 22.000.000 đồng. Bà không đồng ý việc ông S cùng trả nợ vì ông S không liên quan. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án để xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H. Buộc Bà A, ông S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 22.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

+ Buộc Bà A, ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông S và Bà A là Bị đơn vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông S và Bà A.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên tòa, bà H yêu cầu Tòa án buộc Bà A, ông S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền hui còn nợ là 22.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án Bà A đồng ý trả cho bà H số tiền này nhưng không đồng ý việc ông S cùng có nghĩa vụ trả vì ông S không liên quan.

[3] Xét yêu cầu của các bên thấy rằng:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, Bà A thừa nhận có nợ bà H 22.000.000 đồng tiền hui và đồng ý trả lại số tiền này cho bà H nên cần buộc Bà A trả lại số tiền này cho bà H là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2] Ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do, không có lời trình bày nên phải chịu hậu quả pháp lý của việc không chứng minh được việc ông không liên quan đến khoản nợ này. Quá trình giải quyết vụ án Bà A thừa nhận việc tham gia góp hui là để mua bàn ghế phục vụ việc kinh doanh quán cà phê của gia đình; khi bà H đi đòi nợ ông S đã biết việc nợ hui này và có yêu cầu bà đòi tiền những người khác nợ ông bà để trả cho bà H. Do đó, việc Bà A cho rằng ông S không liên quan đến khoản nợ này là không có cơ sở chấp nhận. Bà A và ông S là vợ chồng hợp pháp, đang còn chung sống với nhau, mục đích của việc tham gia góp hui để kinh doanh quán cà phê của gia đình nên nghĩa vụ này là nghĩa vụ chung của Bà A và ông S theo quy định tại các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Vì vậy, cần buộc Bà A và ông S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 22.000.000 đồng là phù hợp; ghi nhận bà H không yêu cầu tính lãi.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Buộc Bà A và ông S phải chịu 1.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả cho bà H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh H đối với bà Phan Thị Ngọc A và ông Châu Văn S về việc tranh chấp Hợp đồng góp hui.

Buộc bà Phan Thị Ngọc A và ông Châu Văn S cùng có nghĩa vụ trả lại cho bà Đoàn Thị Minh H 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng tiền gốc; ghi nhận bà Đoàn Thị Minh H không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án bà Đoàn Thị Minh H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án bà Phan Thị Ngọc A và ông Châu Văn S không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng người phải thi hành án bà Phan Thị Ngọc A và ông Châu Văn S còn phải trả cho người được thi hành án bà Đoàn Thị Minh H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Ngọc A và ông Châu Văn S phải chịu 1.100.000 (một triệu một trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đoàn Thị Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho bà Đoàn Thị Minh H 550.000 (năm trăm năm mươi nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000383 ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà H biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Bà A và ông S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung